TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

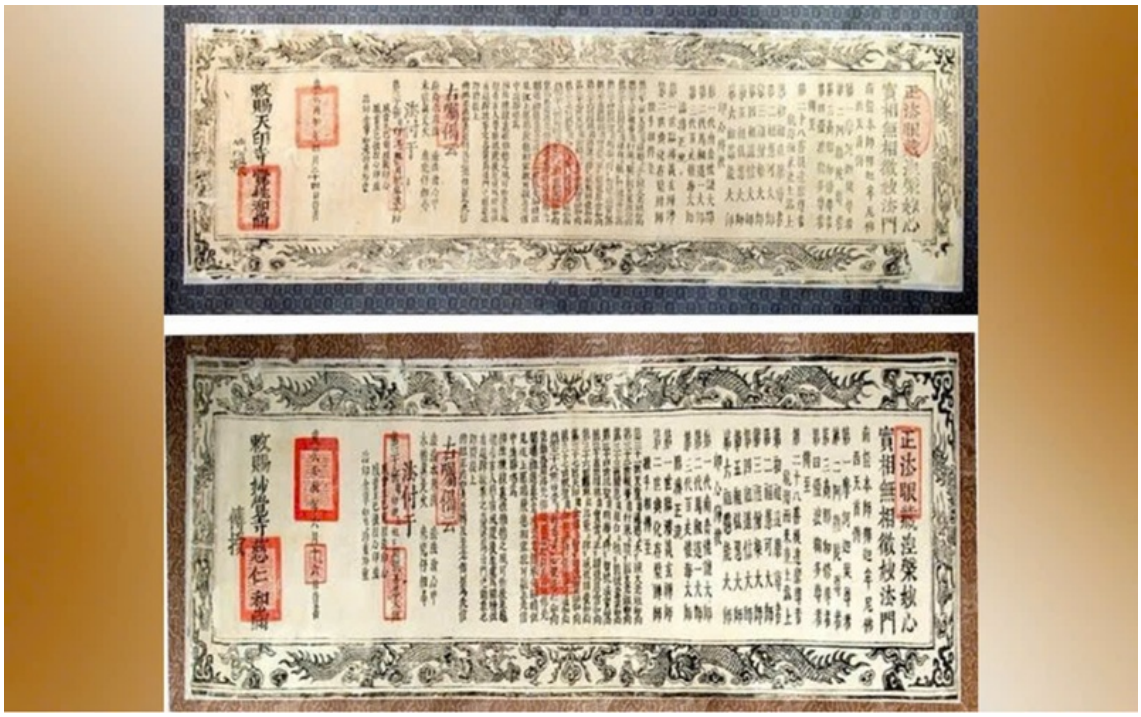
Phổ hệ truyền thừa Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Ngãi

ISSN: 2734-9195 10:45 20/05/2026

Trải qua hơn 300 năm hiện diện và phát triển, thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã trở thành dòng truyền thừa chủ đạo, góp phần quan trọng trong việc hình thành diện mạo Phật giáo Quảng Ngãi và duy trì mạch pháp tại vùng đất núi Ấn sông Trà.

Dẫn nhập

Trong bối cảnh chính trị nhiều biến động và bất ổn, khi yêu cầu ổn định xã hội và củng cố nền tảng đạo đức trở thành vấn đề cấp thiết, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã lựa chọn Phật giáo như một điểm tựa tinh thần trong chính sách an dân trị quốc. Theo dòng chảy ấy, **thiền phái Lâm Tế** do các thiền sư Trung Hoa đem đến đã nhanh chóng bén rễ và phát triển mạnh mẽ từ thế kỷ XVII, tạo tiền đề cơ bản cho sự hình thành thiền phái Chúc Thánh tại Hội An. Là vùng đất liền kề, Quảng Ngãi từ rất sớm đã có cơ duyên tiếp nhận dòng thiền này vào đời sống văn hóa bản địa.



Đáng chú ý, thiền phái Chúc Thánh không chỉ khẳng định vai trò trung tâm trong hệ thống truyền thừa mà còn bén rễ sâu bền trong đời sống tâm linh của cư dân vùng đất núi Ấn sông Trà từ đầu thế kỷ XVIII cho đến nay.

Nội dung

Căn cứ theo Chính pháp nhãn tạng do Tổ Chương Nhẫn Từ Nhơn trú trì chùa Sắc tứ Diệu Giác (Bình Sơn) truyền cho đệ tử Ấn Thị Tổ Văn Thiện Tư năm Nhâm Thìn [1892] cho biết mạch truyền **Lâm Tế Chúc Thánh** tại Quảng Ngãi như sau:

Đệ tam thập tứ thế Chúc Thánh huý Minh Hải thượng Đắc hạ Trí hiệu Pháp Bảo Hoà thượng

Đệ tam thập ngũ thế Phước Lâm huý Thiệt Dinh thượng Chính hạ Hiển hiệu Ân Triêm Hoà thượng

Đệ tam thập lục thế Phước Lâm huý Pháp Kiêm thượng Luật hạ Oai hiệu Minh Giác Hoà thượng

Đệ tam thập thất thế Thiên Ấn huý Toàn Chiếu thượng Trí hạ Minh hiệu Bảo Ấn Hoà thượng

Đệ tam thập bát thế Diệu Giác huý Chương Nhẫn thượng Tuyên hạ Tâm hiệu Từ Nhơn Hoà thượng

Tiếp đến, trong Chính pháp nhãn tạng do Tổ Chương Khước Giác Tánh trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn phó cấp cho đệ tử Ấn Giang Tổ Nguyệt Hoằng Lãng chùa Sắc tứ Thiên Phước (Mộ Đức) năm Bính Ngọ [1906] ghi như sau:

Đệ tam thập tứ thế Chúc Thánh huý Minh Hải thượng Đắc hạ Trí hiệu Pháp Bảo Hoà thượng

Đệ tam thập ngũ thế Phước Lâm huý Thiệt Dinh thượng Chính hạ Hiển hiệu Ân Triêm Hoà thượng

Đệ tam thập lục thế Phước Lâm huý Pháp Kiêm thượng Luật hạ Oai hiệu Minh Giác Hoà thượng

Đệ tam thập thất thế Thiên Ấn huý Toàn Chiếu thượng Trí hạ Minh hiệu Bảo Ấn Hoà thượng

Đệ tam thập thất thế Chúc Thánh huý Toàn Nhâm thượng Vi hạ Ý hiệu Quán Thông Hoà thượng

Đệ tam thập bát thế Thiên Ấn huý Chương Khước thượng Tông hạ Tuyên hiệu Giác Tánh Hoà thượng

Như vậy, từ hai Chính pháp nhãn tạng trên, có cơ sở sử liệu để xác định phổ hệ truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Ngãi được khởi nguyên từ Tổ Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo khai sáng Tổ đình Chúc Thánh thuộc đời 34 tông Lâm Tế, Sơ tổ thiền phái Chúc Thánh.

Đời thứ 1: Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746) thế danh là Lương Thế Ân, quê tỉnh Phúc Kiến. Năm 1678, lúc 9 tuổi xuất gia tại chùa Báo Tư, đến 20 tuổi thọ giới cụ túc. Ngài là đệ tử đắc pháp với Tổ Nguyên Thiều Siêu Bạch. Ngài thuộc đời 34 theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong. Sau khi **Đại giới đàn** ở chùa Thiền Lâm (Huế) hoàn mãn vào năm 1695, ngài đi vào Quảng Nam khai sơn chùa Chúc Thánh khi đó ngài khoảng 26-27 tuổi[1]. Khoảng cuối thế kỷ XVII, ngài xuất kệ truyền thừa:

明 實 法 全 彰

Minh thiệt pháp toàn chương

印 真 如 是 同

Ấn chơn như thị đồng

祝 聖 壽 天 久

Chúc thánh thọ thiên cữu

祈 國 祚 地 長

Kỳ quốc tộ địa trường.

得 正 律 為 宗

Đắc chính luật vi tông

祖 道 解 行 通

Tổ đạo giải hạnh thông

覺 花 菩 提 樹

Giác hoa bồ đề thọ

充 滿 人 天 中

Sung mãn nhân thiên trung.

Bài kệ gồm 8 câu, 40 chữ trong đó lấy 4 câu đầu đặt pháp danh và 4 câu sau đặt pháp tự. Bắt đầu từ ngài lấy pháp danh chữ "Minh", pháp tự là chữ "Đắc. Hiện biết đệ tử đắc pháp của Tổ có 13 vị, thuộc thế hệ thứ 2 thiền phái Chúc Thánh có ngài Thiệt Diệu Chính Hiền trú trì đời thứ 2 chùa Chúc Thánh, Thiệt Dinh Chính Hiển Ân Triêm khai sơn chùa Phước Lâm (Hội An), Thiệt Uyên Chính Thông Chí Bảo trú trì chùa Hội Nguyên, chùa Bảo Lâm (Quảng Nam cũ), Thiệt Đàm Chính Luân trú trì chùa Long Bàn (Quảng Ngãi)...

Trải hơn nửa thế kỷ hoằng hóa, Tổ Minh Hải đã khai mạch dòng thiền Chúc Thánh trên đất Quảng Nam làm cho luồng sinh khí tu học nơi đây không chỉ "rợp bóng pháp" mà còn "kết rừng thiền" lan toả đến những vùng đất khác, trong đó có Quảng Ngãi.

Dưới đây là pháp mạch truyền thừa gắn với những vị cao tăng, pháp duệ tiêu biểu của thiền phái Chúc Thánh tại Quảng Ngãi.

Đời thứ 35 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 2 pháp phái Chúc Thánh: Hàng chữ "Thiệt"

Theo sử liệu hiện ghi nhận có ngài Thiệt Đàm Chính Luân trú trì chùa Long Bàn xã Ba La[2]. Ngài là cao đệ của Tổ Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo đến hoằng hoá đầu tiên tại đất **Quảng Ngãi** vào khoảng thập niên 30 của thế kỷ XVIII thông qua hoạt động khắc in bộ kinh *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* năm Vĩnh Khánh thứ 4 Nhâm Tý [1732][3].

Đời thứ 36 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 pháp phái Chúc Thánh: Hàng chữ "Pháp"



Long vị Tổ Pháp Minh Khánh Vân Người đầu tiên theo kệ phái Chúc Thánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn - Quảng Ngãi

Những vị xuất thân và hành đạo trên đất Quảng Ngãi tiêu biểu như:

Pháp Minh Khánh Vân (?-?): Chưa biết là đệ tử vị Tổ nào. Theo long vị và bia tháp tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn thì ngài thuộc chữ "Pháp" đời 36 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 kệ phái Chúc Thánh. Là người kế nhiệm trú trì đời thứ 2 Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn, ngôi chùa này do Thiền sư Phật Bảo Pháp Hoá người Trung Hoa khai sơn. Ngài là người đầu tiên có pháp danh theo kệ phái Chúc Thánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn.

Pháp Ấn Tường Quang Quảng Độ (1739-1811): Là cao đệ của Tổ Thiệt Dinh Chính Hiển Ân Triêm trú trì Tổ đình Phước Lâm (Hội An). Năm 1796, ngài kế thế trú trì đời thứ 2 Tổ đình Phước Lâm (Hội An). Sau đó, ngài về đảm nhiệm trú trì chùa Sắc tứ Viên Tôn (nay là chùa Diệu Giác) từ năm 1805-1811. Ngài chứng minh chú nguyện đúc Đại hồng chung tại ngôi cổ tự này có niên đại Ất Sửu [1805]. Bảo tháp của ngài được tôn trí tại chùa Sắc tứ Diệu Giác.

Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác (1747-1830): Một trong những cao đồ của Tổ Thiệt Dinh Chính Hiển Ân Triêm ở Tổ đình Phước Lâm (Hội An). Ngài người gốc ở xã Bình Chương, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian giặc Thạch Bích tràn xuống hoành hành ở vùng núi phía Tây Quảng Ngãi vào năm 1770, ngài đã tham gia chống giặc và đạt nhiều chiến công. Ngài được tôn xưng là "Tổ Bình Man". Ngài là đệ tam trú trì Tổ đình Phước Lâm (Hội An).

Pháp Châu (?-?): Long vị hiện thờ tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn cho biết thông tin về ngài: "Phụng vì Sắc tứ Thiên Ấn tự trú trì nối dòng Lâm Tế đời thứ ba sáu huý Pháp Châu đại lão Hoà thượng - 奉為敕賜天印寺住持???????? 臨濟代次三十六諱法珠大老和尚".Ngài Pháp Châu thuộc đời 36 dòng Lâm Tế, tức là thuộc thế hệ thứ 3 pháp phái Chúc Thánh.

Pháp Trung (?-?): Theo minh văn khắc trên quả chuông tại chùa Long Quang đang lưu giữ Đại hồng chung Viên Quả tự phụng tạo năm Quý Dậu [Gia Long năm thứ 12 - 1813] khắc tên chư vị trụ trì, trong đó có ngài Pháp Trung và ngài Pháp Ấn Tường Quang. Nội dung minh văn ghi: *"Quảng Nghĩa phủ Bình Sơn huyện Phước Lộc thôn. Tạo chú hồng chung trú trì tăng pháp danh Pháp Trung, trợ cúng: Quảng Độ hòa thượng..."*[4]

Đời thứ 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 4 pháp phái Chúc Thánh: Hàng chữ "Toàn"



Long vị Tổ Toàn Chiếu Bảo Ấn Hiện nay thiền phái Chúc Thánh tại Quảng Ngãi được truyền thừa theo pháp mạch của Tổ

Toàn Chiếu Trí Minh Bảo Ấn (1798-1866): Ngài là đệ tử đắc pháp của Tổ Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác. Sau khi đắc pháp, ngài về Quảng Ngãi lập thảo am tu hành sau này là chùa Viên Quang. Vào năm Minh Mạng thứ 8 Đinh Hợi

[1827], ngài được sơn môn Quảng Ngãi cung thỉnh kế đăng trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Thời vua Minh Mạng mở khoa thi Tam giáo, Tổ Bảo Ấn đạt điểm hạng ưu được vua ban Giới đao độ điệp. Năm Mậu Tuất [1838], Tổ Bảo Ấn khai mở Giới đàn tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài có công truyền lưu pháp mạch Chúc Thánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn được định hình một cách có hệ thống trở thành dòng truyền thừa có ảnh hưởng sâu rộng tại Quảng Ngãi.

Toàn Diệp Bảo Liên (?-?): Khai sơn chùa Long Khánh (Bình Sơn). Căn cứ theo long vị tại chùa Long Khánh với dòng chữ ghi: "Từ Lâm Tế phổ tam thập thất thế huý Toàn Diệp thượng Bảo hạ Liên đại sư nghê toà - 嗣臨濟譜三十七世諱全葉上寶下蓮大師猊座" . Từ thông tin pháp danh và pháp hiệu của ngài, có thể xác định ngài là đệ tử đắc pháp của Tổ Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác.

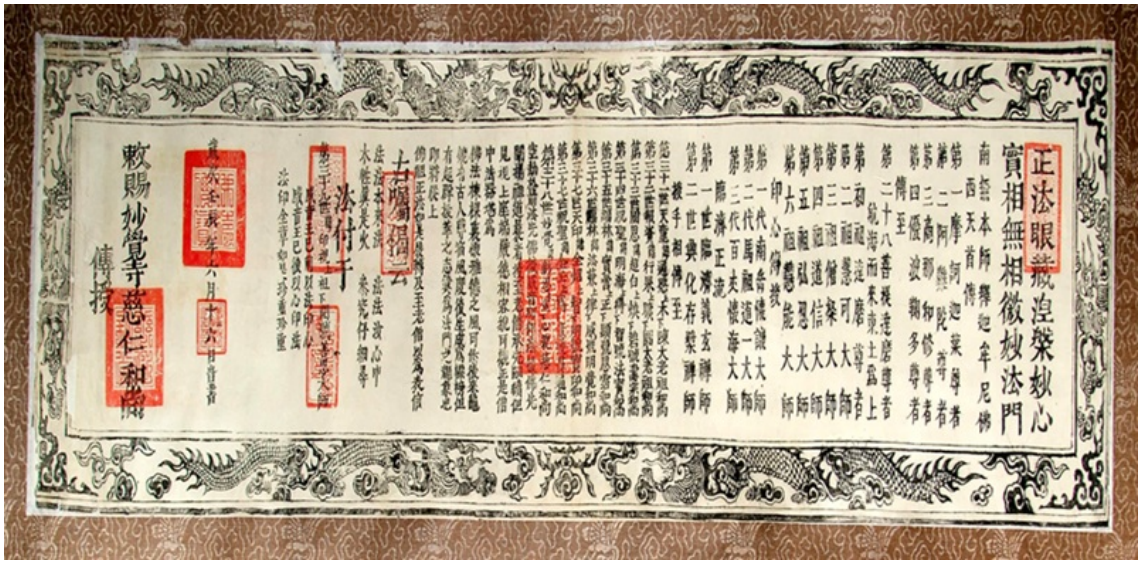
Toàn Nhâm (?-?): Trú trì Thiên Khánh cổ tự (Tư Nghĩa). Theo long vị thờ tại chùa Thiên Khánh ghi: "Phụng vì Lâm Tế Chính Tông tam thập thất thế Thiên Khánh đường thượng huý Toàn Nhâm Hồ Văn Nhậm giác linh - 奉為臨濟正宗三十七世天慶堂上諱全任胡文任覺靈".Hiện chưa xác định ngài là đệ tử của vị nào.

Đời thứ 38 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5 pháp phái Chúc Thánh: Hàng chữ "Chương"

Thế hệ chữ "Chương" đều là cao đệ của Tổ Toàn Chiếu Bảo Ấn trú trì **Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn**. Có các vị tiêu biểu như sau:

Chương Khước Tông Tuyên Giác Tánh (1830-1908): Trú trì đời thứ 4 Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn vào năm 1866. Ngày 13/4/1882 [Nhâm Ngọ], ngài khai mở Giới đàn tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ngài đóng vai trò là chủ sơn môn Quảng Ngãi, tên tuổi của ngài có mặt trên khắp các hoạt động Phật sự từ khai mở giới đàn, khắc ván in kinh, mở mang Tổ đình, dẫn dắt chư sơn. Điểm đáng chú ý nhất là công tác tiếp tăng độ chúng, ngài đã đào tạo nên thế hệ kế thừa với gần 100 vị có pháp danh chữ "Ấn", pháp tự chữ "Tổ", pháp hiệu chữ "Hoằng".

Chương Cao Viên Thiệu Tánh Không (1798-1860): Trú trì Tổ đình Sắc tứ Viên Quang (Bình Sơn) được vua Minh Mạng sắc giới đao độ điệp. Long vị thờ tại Tổ đình Sắc tứ Viên Quang ghi: "Tứ đao điệp Viên Quang tự trú trì tế thượng tam thập bát thế huý Chương Cao thượng Viên hạ Thiệu Tánh Không Hoà thượng nghê toà - 賜刀牒圓光寺住持濟上三十八世諱彰高上圓下紹性空和尚猊座".



Chính pháp nhãn tạng do Tổ Chương Nhẫn Từ Nhơn trú trì chùa Sắc tứ Diệu Giác (Bình Sơn) truyền cho đệ tử Ấn Thị Tổ Văn Thiện Tư năm Nhâm Thìn [1892] (Ảnh: TT. Thích Như Tịnh cung cấp)

Chương Nhẫn Tuyên Tâm Từ Nhơn (1834-1897): Ngài kế tục trú trì các ngôi cổ tự lớn trong tỉnh như: Tổ đình Sắc tứ Viên Quang, chùa Sắc tứ Diệu Giác, chùa Sắc tứ Tây Thiên. Năm 1894 [Giáp Ngọ], ngài kiến khai Giới đàn tại Tổ đình Sắc tứ Viên Quang. Ngài phú pháp hiệu cho đệ tử chữ "Thiện".

Chương Trang Nhứt Trạch Quảng Chấn (?-1898): Trú trì chùa Sắc tứ Khánh Long (Thắng Lợi), khai sơn Tổ đình Sắc tứ Phước Quang (Tư Nghĩa). Ngài đã hưng công khắc in *Địa tạng Bồ-tát bổn nguyện kinh* gồm 2 quyển, tàng bản chùa Sắc tứ Khánh Long xã Long Phụng cũ[5]. Ngài phú pháp hiệu cho đệ tử chữ "Phổ".

Chương Thường Thiện Chiếu (?-?): Tăng chúng Tổ đình Sắc tứ Phước Quang. Long vị thờ tại Tổ đình Sắc tứ Phước Quang ghi: "Từ Lâm Tế phổ tam thập bát thế huý Chương Thường thượng Thiện hạ Chiếu đại sư giác linh - 嗣臨濟普三十八世諱彰常上善下照大師覺靈".

Chương Giảng Minh Đạt (?-?): Theo bản Gia phả họ Phạm Ngọc hiện lưu tại chùa Linh Sơn (Mộ Đức) cho biết ngài là đệ tử của Tổ Toàn Chiếu Bảo Ấn trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn, do đó có thể biết ngài thuộc Tăng chúng Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn.

Đời thứ 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 pháp phái Chúc Thánh: Hàng chữ "Ấn" có các vị tiêu biểu sau:



Chính pháp nhãn tạng do Tổ Chương Khước Giác Tánh trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn truyền cho đệ tử Ấn Giang Tổ Nguyệt Hoằng Lãng chùa Sắc tứ Thiên Phước (Mộ Đức) năm Bính Ngọ [1906] (Ảnh: TT. Thích Như Tịnh cung cấp)

Ấn Hướng Tổ Đồng Pháp Nhãn (1858-1912): Ngài thế danh là Nguyễn Tấn Kỳ**,** trước khi xuất gia ngài là nghĩa sĩ tham gia phong trào Cần Vương. Ngài xuất gia với Hoà thượng Chương Nhẫn Từ Nhân tại Tổ đình Sắc tứ Viên Quang. Ngày mùng 06/07/1896 ngài khai mở Đại giới đàn tại chùa Tiên Long Thạch Động. Ngài được xếp vào nhân vật lịch sử hữu công của Quảng Ngãi.

Ấn Tham Tổ Vân Hoằng Phúc (1864-1916): Ngài xuất gia với Tổ Chương Khước Giác Tánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Năm 1898, ngài khai sơn Tổ đình Sắc tứ Quang Lộc. Năm 1907-1911, ngài làm Phó tự Tổ đình Sắc tứ Phước Quang và sau đó làm trú trì Tổ đình Sắc tứ Phước Quang từ năm 1911-1916. Từ năm 1908-1916, ngài làm trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài là vị Tăng cang đầu tiên của Quảng Ngãi. Ngài tích cực xương minh chính pháp thông qua hoạt động khắc bản in kinh, chỉnh đốn tăng đồ, tiếp dẫn hậu lai. Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ "Diệu".

Ấn Tịnh Kim Liên Hoằng Thanh (?-?): Ngài là đệ tử của Tổ Chương Khước Giác Tánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Từ năm 1908-1911, ngài là đệ nhị trú trì Tổ đình Sắc tứ Phước Quang. Năm 1911, ngài khai sơn chùa Cảnh Tiên (Tư Nghĩa), nơi đây ngài đã quy y thế phát cho ngài Chơn Quý Khánh Anh. Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ "Huệ".

Ấn Kim Tổ Tuân Hoằng Tịnh (1862-1932): Ngài là đệ tử của Tổ Chương Khước Giác Tánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Từ năm 1894-1928, kế thế trú trì chùa Sắc tứ Khánh Long (Thắng Lợi). Từ năm 1906-1911, trú trì chùa Sắc tứ Thạch Sơn. Từ năm 1916-1932, trú trì Tổ đình Sắc tứ Phước Quang. Khoảng năm 1919-1921, ngài đảm nhiệm chủ trương tái thiết Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Năm 1913, ngài được sắc phong Tăng cang. Ngài có công đức trong việc tổ chức giới đàn, tiếp tăng độ chúng. Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ "Khánh", chữ

“Phước”.

Ấn Lãnh Tổ Tòng Hoằng Thạc (1873-1944): Ngài là đệ tử của Tổ Chương Khước Giác Tánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Từ năm 1916-1940, ngài trú trì chùa Sắc tứ Thạch Sơn. Năm 1938, ngài làm Chứng minh Đạo sư cho Hội An Nam Phật học tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1940, ngài về khai sơn chùa Phổ Quang (Nghĩa Hành). Đệ tử đắc pháp có pháp hiệu chữ “Trí”.

Ấn Lập Tổ Duy Hoằng Nhiếp (1865 -1942): Ngài là đệ tử của Tổ Chương Khước Giác Tánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài trú trì chùa Sắc tứ Diệu Giác và chùa Sắc tứ Tây Thiên ở Bình Sơn từ năm 1897-1919. Từ năm 1919-1921, ngài làm phó tự Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ “Phước”.

Ấn Thiền Tổ Mật Hoằng Chí (1865-1940): Ngài là đệ tử của Tổ Chương Khước Giác Tánh tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài khai sơn chùa Bửu Quang (Tư Nghĩa). Ngài được chư sơn công cử làm phó tự Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ “Quang”.

Đời thứ 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 7 pháp phái Chúc Thánh: Hàng chữ “Chơn”, đây là thế hệ trưởng thành và hành đạo trong thời kỳ chuyển mình của Phật giáo nửa đầu thế kỷ XX. Có các vị tiêu biểu:

Chơn Trung Đạo Chí Diệu Quang (1891-1952): Ngài xuất gia với Tổ Ấn Tham Tổ Vân Hoằng Phúc trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Từ năm 1921-1940, ngài kế tục trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Năm 1928, ngài được sắc phong Tăng cang. Ngài có những đóng góp rất lớn trong công tác tổ chức giới đàn, đào tạo thế hệ kế thừa, chứng minh khai sơn nhiều cơ sở tự viện trong tỉnh, nhất là hưởng ứng phong trào chấn hưng Phật giáo và chứng minh thành lập Hội An Nam Phật học tỉnh Quảng Ngãi năm 1938. Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ “Huyền”.

Chơn Quý Đạo Trân Khánh Anh (1895-1961): Ngài là đệ tử của Hoà thượng Ấn Tịnh Hoằng Thanh khai sơn chùa Cảnh Tiên. Ngài được biết đến là một trong ba nhân vật chủ chốt của Hội Lưỡng Xuyên Phật học. Từ năm 1959-1961, ngài làm Thượng thủ Giáo hội Tăng Già Toàn Quốc. Ngài trú trì chùa Long An và chùa Phước Hậu (Vĩnh Long). Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ “Hoàn”.

Chơn Miên Đạo Long Trí Hưng (1908-1986): Ngài xuất gia với Hoà thượng Ấn Lãnh Hoằng Thạc trú trì chùa Sắc tứ Thạch Sơn. Năm 1935, ngài khai sơn chùa Sắc tứ Từ Lâm (An Phú). Năm 1939, ngài được sắc phong Tăng cang. Ngài làm kiểm tăng tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1938-1945. Năm 1955, ngài thành lập

Giáo hội Phật giáo Cổ Sơn Môn tỉnh Quảng Ngãi. Ngài tích cực tham gia tổ chức giới đàn, làm chứng minh Đạo sư Hội An Nam Phật học tỉnh Quảng Ngãi năm 1938. Ngài trú trì chùa Thiền Lâm (TP. HCM). Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ "An".

Chơn Sử Đạo Thị Khánh Tín (1896-1992): Ngài là đệ tử của Hoà thượng Ấn Kim Hoằng Tịnh. Ngài trú trì chùa Thọ Sơn (Tư Nghĩa). Năm 1942, ngài khai sơn chùa Hải Lâm (Lý Sơn). Từ năm 1952-1954, ngài trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài làm Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 1975-1977, ngài làm Chính đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tỉnh Quảng Ngãi. Ngài được cung thỉnh trong Hội đồng Thập sư các giới đàn tại Quảng Ngãi. Đệ tử của ngài rất đông, tiêu biểu nhất là ngài Như Bình Giải An. Ngài phú pháp hiệu cho đệ tử chữ "Hải" và chữ "Thọ".

Chơn Tích Phước Triêm Huệ Hải (1893-1953): Ngài là đệ tử của Hoà thượng Ấn Tịnh Hoằng Thanh khai sơn chùa Cảnh Tiên. Từ năm 1937-1948, ngài trú trì Tổ đình Sắc tứ Quang Lộc. Ngài phú pháp cho đệ tử hiệu chữ "Hồng".

Chơn Khai Đạo Chính Quang Lý (1918-1990): Ngài xuất gia với Hoà thượng Ấn Thiền Tổ Mật Hoằng Chí trú trì chùa Bửu Quang (Tư Nghĩa). Năm 1937, ngài khai sơn chùa Bửu Long (Nghĩa Hành). Năm 1975, ngài làm Chứng minh Đạo sư cho Tỉnh hội Phật giáo Nghĩa Bình. Năm 1990, ngài trú trì chùa Linh Thứu (Lâm Đồng). Ngài đóng góp nhiều công đức trong kiến khai giới đàn, mở trường hạ, chứng minh khai sơn nhiều tự viện tại Nghĩa Hành. Đệ tử xuất gia, cầu pháp rất đông, được phú pháp chữ "Long".

Chơn Đình Đạo Ý Phước Huy (1910-1980): Ngài là đệ tử của Hoà thượng Ấn Lập Tổ Duy Hoằng Nhiếp. Năm 1932, ngài khai sơn chùa Liên Quang (Bình Sơn). Ngài tham gia tổ chức giới đàn, khai mở trường hạ và đảm nhận các chức vụ trong Giáo hội Phật giáo Cổ truyền. Ngài phú pháp cho đệ tử hiệu chữ "Chính".

Đời thứ 41 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 pháp phái Chúc Thánh: Hàng chữ "Như" có những vị tiểu biểu như:

Trí Thuyên (1923-1947): Ngài xuất gia với Hòa thượng Tăng cang Chơn Trung Diệu Quang tại Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài là một trong những Tăng sĩ đầu tiên được đào tạo theo hệ thống Phật học viện của trường **An Nam Phật học** vào thập niên 30 của thế kỷ XX. Năm 1944-1947, ngài hoạt động tại Tòng lâm Kim Sơn.

Như Thông Giải Hậu Huyền Ấn (1918-1969): Ngài là đệ tử của Hòa thượng Tăng cang Chơn Trung Diệu Quang. Từ năm 1948-1957, ngài trú trì Tổ đình Sắc

tứ Quang Lộc. Năm 1955, ngài khởi xướng thành lập Gia đình Phật tử tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 1957-1969, ngài trú trì chùa Hội Phước. Ngài phú pháp hiệu cho đệ tử chữ "Phước".

Như Nguyện Giải Trình Hồng Ân (1914-1978): Ngài cầu pháp với Hoà thượng Chơn Tích Huệ Hải trú trì Tổ đình Sắc tứ Quang Lộc. Từ năm 1945-1952, ngài đảm nhiệm phó tự phụ trách trùng hưng Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Năm 1973, ngài khai sơn chùa Phước Lộc, khai sơn chùa Phước An (Bình Sơn), chùa Quảng Ân (Lâm Đồng). Ngài cho đệ tử pháp danh chữ "Tâm', tự chữ "Trừng", hiệu chữ "Pháp".

Như Chính Giải Trực Huyền Tấn (1911-1984): Ngài là đệ tử của Hòa thượng Tăng cang Chơn Trung Diệu Quang. Từ năm 1955-1967, ngài trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn, kiêm nhiệm trú trì chùa Kim Liên (Sơn Tịnh). Từ năm 1955-1963, ngài làm Hội trưởng Giáo hội Tăng già Quảng Ngãi. Từ năm 1964-1970, ngài làm Chính đại diện GHPGVN Thống nhất tỉnh Quảng Ngãi. Ngài phú pháp hiệu cho đệ tử chữ "Viên".

Như Long Giải Thuyền Huyền Tế (1905-1986): Ngài là đệ tử của Hòa thượng Tăng cang Chơn Trung Diệu Quang. Ngài trú trì chùa Bảo Lâm (Tịnh Khê), khai sơn chùa Bảo Linh và chùa Bửu Thắng. Năm 1969, ngài làm Cố vấn GHPGVN Thống nhất tỉnh Quảng Ngãi và là thành viên trong Hội đồng Trưởng lão Viện Hóa Đạo. Năm 1971, ngài làm Đặc ủy Tăng sự Phật giáo tỉnh Quảng Ngãi. Ngài phú pháp hiệu cho đệ tử chữ "Vĩnh".

Như Lợi Giải Lý Huyền Đạt (1903-1994): Ngài xuất gia với Hòa thượng Tăng cang Chơn Trung Diệu Quang. Từ năm 1968-1994, ngài trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Từ năm 1973-1975, ngài làm Chính đại diện GHPGVN Thống nhất tỉnh Quảng Ngãi. Ngài phú pháp hiệu cho đệ tử chữ "Giác".

Như Bình Giải An Huyền Tịnh (1914-2003): Ngài là đệ tử đầu tay của Hoà thượng Chơn Sử Khánh Tín khai sơn chùa Thọ Sơn. Ngài tích cực hưởng ứng các hoạt động phụng đạo yêu nước. Năm 1945, tham gia Hội Phật giáo Cứu quốc thuộc Liên khu V. Từ năm 1955-1957, ngài làm Trị sự trưởng Giáo hội Tăng Già kiêm Hội trưởng Hội Phật giáo tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1963, ngài lãnh đạo Tăng Ni Phật tử chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Năm 1964, ngài làm Thành viên của GHPGVN Thống nhất. Năm 1966, ngài làm Chứng minh Đạo sư GHPGVN Thống nhất tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1975-1989, ngài phụ trách Tăng sự Phật giáo tỉnh Nghĩa Bình. Từ 1990-2003, ngài làm Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi. Ngài được mời tham gia Hội đồng Thập sư nhiều giới đàn trong tỉnh và ngoài tỉnh. Đồng thời, ngài trú trì, chứng minh và khai sơn nhiều ngôi tự viện, tiêu biểu là khai sơn chùa Từ Quang năm

1967. Ngài phú pháp cho đệ tử hiệu chữ “Quang”.

Như Duyên Giải Phước An Điên: Ngài sinh năm 1935, đệ tử xuất gia của Hoà thượng Tăng cang Chơn Miên Trí Hưng. Ngài khai sơn chùa Từ Nghiêm (Vệ Giang). Ngài là một trong những thành viên tham gia thành lập Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1990. Từ năm 2000-2015, ngài đảm nhiệm Phó Trưởng Ban Trị sự phụ trách Nghi lễ suốt 3 nhiệm kỳ. Từ năm 2017 đến nay, ngài được suy tôn Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN. Ngài phú pháp hiệu cho đệ tử chữ “Phú”.

Đời thứ 42 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 pháp phái Chúc Thánh có ba trường hợp: [1] Hàng chữ “Thị” có pháp tự chữ “Hạnh”, [2] pháp danh chữ “Diệu” có pháp tự chữ “Trí”, [3] pháp danh chữ “Tâm” có pháp tự chữ “Trừng” gồm các vị tiêu biểu sau:

Thị Hoàng Hạnh Đức Giác Bình (1948-1967): Ngài là đệ tử của Hoà thượng Như Lợi Huyền Đạt trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngày 31/10/1967, ngài tự thiêu tại chùa Tỉnh Hội (nay là chùa Pháp Hoá) với ước nguyện phản đối “Hiến chương 23/67” do Nguyễn Văn Thiệu đưa ra. Ngài được truy phong Thánh tử đạo đầu tiên ở **Quảng Ngãi**.

Diệu Hoà Trí Chính Phước Tạng (1923-1997): Ngài là đệ tử của Hoà thượng Như Thông Giải Hậu trú trì chùa Hội Phước. Từ năm 1977-1989, ngài làm Phó ban đại diện Phật giáo tỉnh Nghĩa Bình. Ngài đảm nhiệm Phó Trưởng ban Trị sự tỉnh Quảng Ngãi từ 1990-1997. Ngài trú trì chùa Pháp Hoá, khai sơn chùa Thiện Đức (Tư Nghĩa).

Thị Lệnh Hạnh Trình Vĩnh Hội (1945-2020): Ngài là đệ tử của Hoà thượng Như Long Huyền Tế khai sơn chùa Bảo Linh. Năm 1993, ngài kế thế trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài làm Uỷ viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi nhiều nhiệm kỳ.

Thị Anh Hạnh Lạc Vân Sơn: Ngài là đệ tử cầu pháp với Hoà thượng Như Bình Giải An khai sơn chùa Từ Quang. Năm 1971, ngài trú trì Tổ đình Sắc tứ Quang Lộc. Ngài là một trong những thành viên chủ chốt tham gia thành lập Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 2003-2022, ngài giữ chức Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi, kiêm nhiệm trú trì chùa Pháp Hoá. Ngài được suy tôn Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN. Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ “Quang”.

Diệu Hương Trí Thắng Vĩnh Phước: Ngài là đệ tử xuất gia của Hoà thượng Như Thông Giải Hậu trú trì chùa Hội Phước. Từ năm 1977-1989, ngài trú trì chùa

Hội Phước. Năm 1990, ngài khai sơn chùa Hoa Nghiêm (Nghĩa Lộ). Ngài có nhiều đóng góp trong việc tham gia thành lập và điều hành công tác Phật sự trong Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1990-2022. Năm 2017, ngài trùng kiến chùa Bảo Lâm (Tịnh Khê). Hiện ngài được suy tôn Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN. Ngài phú pháp cho đệ tử xuất gia, y chỉ pháp hiệu chữ "Nghiêm".

Tâm Nhiên Trừng Nghị Pháp Minh: Ngài là đệ tử của Hoà thượng Như Nguyện Hồng Ân khai sơn chùa Phước Lộc. Ngài kế thừa Bổn sư trú trì chùa Phước Lộc (Nghĩa Lộ). Ngài có nhiều đóng góp trong công tác hoằng pháp và hướng dẫn Phật tử tỉnh nhà. Hiện ngài là Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN. Đệ tử của ngài có pháp danh chữ "Nguyên", pháp tự chữ "Đức", pháp hiệu chữ "Phước".

Thị Huệ Hạnh Ngộ Giác Đạo: Ngài là đệ tử của Hoà thượng Như Lợi Huyền Đạt trú trì Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Ngài trú trì chùa Đức Quang (TP. HCM). Ngài tích cực trong việc gắn kết và phát triển môn phong Tổ đình Thiên Ấn tại TP. HCM. Ngài phú pháp cho đệ tử pháp hiệu chữ "Thanh".

Đời thứ 43 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 10 pháp phái Chúc Thánh thuộc hàng chữ "Đồng" có pháp tự chữ "Thông", pháp danh chữ "Nguyên" có pháp tự chữ "Đức" gồm một số vị tiêu biểu như: Đồng Hoa Thông Hội, Nguyên Toàn Đức Thắng Phước Lợi trú trì chùa Sắc tứ Diệu Giác (Bình Sơn), Nguyên Bình Đức Quang Phước Thọ trú trì chùa Trang Sơn (Đức Phổ), Nguyên Trung Đức Mãn Phước Thanh trú trì chùa Từ Lâm (Bình Sơn), Đồng Pháp Thông Ngộ Nghiêm Đạo trú trì chùa Từ Nghiêm (Vệ Giang), Đồng Huy Thông Pháp Nghiêm Tạng trú trì chùa Khánh Vân (Tịnh Khê), Như Chương Thông Huy Nghiêm Châu trú trì chùa Linh Quang (Tư Nghĩa)…

Hiện nay pháp mạch Chúc Thánh tại Quảng Ngãi đã truyền xuống đời 44 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 11 pháp phái Chúc Thánh thuộc hàng chữ "Chúc" có pháp tự chữ "Giác" hoặc pháp danh chữ "Tịnh" pháp tự chữ "Niệm".

Từ việc khái quát về phổ hệ truyền thừa, có thể thấy hiện nay trên địa bàn Quảng Ngãi thuộc khu vực phía Đông có các chi phái thuộc hàng chữ "Chơn" đời 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 7 pháp phái Chúc Thánh đang truyền thừa mạnh tiêu biểu như: [1] Chi phái của Hoà thượng Chơn Trung Đạo Chí Diệu Quang - Môn phong Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn; [2] Chi phái của Hoà thượng Chơn Sử Đạo Thị Khánh Tín - Môn phong Tổ đình Thọ Sơn (Tư Nghĩa); [3] Chi phái của Hoà thượng Chơn Miên Đạo Long Trí Hưng - Môn phong Tổ đình Sắc tứ Từ Lâm (An Phú); [4] Chi phái của Hoà thượng Chơn Khai Đạo Chính Quang Lý - Môn phong Tổ đình Bửu Long (Nghĩa Hành); [5] Chi phái của Hoà thượng Chơn Tích Phước

Triêm Huệ Hải - Môn phong Tổ đình Phước Lộc (Nghĩa Lộ); [6] Chi phái của Hoà thượng Chơn Đình Đạo Ý Phước Huy - Môn phong Tổ đình Liên Quang (Bình Sơn); [7] Chi phái của Hoà thượng Chơn Bá Đạo Liễu Vĩnh Huệ - Môn phong chùa Đông Sơn (Đức Phổ).

Ngoài ra, vấn đề cần nói đến là trường hợp biệt kệ của Hoà thượng Như Nguyện Hồng Ân (1914 - 1978) khai sơn chùa Phước Lộc và của Hoà thượng Như Thông Giải Hậu Huyền Ấn (1918-1969) trú trì chùa Hội Phước trong việc cho lệch pháp danh, pháp tự so với kệ truyền thừa Chúc Thánh, dẫn đến khó nhận biết truyền nhân đời thứ mấy theo kệ phái Chúc Thánh.

Kết luận

Trải qua hơn 300 năm hiện diện và phát triển, Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã trở thành dòng truyền thừa chủ đạo, góp phần quan trọng trong việc hình thành diện mạo Phật giáo Quảng Ngãi và duy trì mạch pháp tại vùng đất núi Ấn sông Trà.

Hệ thống phổ hệ truyền thừa không chỉ thể hiện tính liên tục của pháp phái mà còn khẳng định vai trò của chư Tổ trong sự nghiệp hoằng dương phật pháp, đào tạo thế hệ kế thừa. Trong bối cảnh hiện nay, việc phát huy giá trị truyền thừa là cần thiết nhằm tiếp nối mạch nguồn tâm linh và gìn giữ những giá trị quý báu mà chư vị tiền nhân đã để lại.

Tác giả: **SC Trung Bảo Giác Ngọc**

Học viên Thạc sĩ Khóa IV - Học viện PGVN tại Huế

Chú thích:

[1] Thích Như Tịnh (2008), *Hành trạng chư thiền đức xứ Quảng,* Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.11-13.

[2] Hiện nay ngôi chùa không còn.

[3] Thích Như Tịnh biên soạn (2024), *Phổ hệ truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh Quảng Nam & Đà Nẵng*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr. 43.

[4] Lê Thọ Quốc (2024), "Đại hồng chung ở các chùa Quảng Ngãi: Giá trị di sản và tư liệu", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: Chuông đồng thời Nguyễn từ triết mỹ Phật giáo đến nghệ thuật tạo hình*, Nxb Đại học Huế, tr. 215.

[5] Thích Không Nhiên (2021), "Di sản mộc bản Phật giáo Quảng Ngãi", *Tạp chí Liễu Quán* (22), tr. 24-36.